

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT2 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167321302 - T ầ ch ầ nh doanh nghi p H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H V ầ T c N	NG ầ Y SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3572011502	35CKT2	Nguy n Th Ph ng Anh	12/06/1993				2.0	2.0		2.0	0.6	5.8	4.1	4.7	
2	3572010555	35CKT2	Nguy n Ch ầ Công	26/09/1993				3.0	5.0		4.0	1.2	7.5	5.3	6.5	
3	3572011228	35CKT2	L ầ Th Tr ầ	Duyên	15/10/1993			10.0	10.0		10.0	3.0	10.0	7.0	10.0	
4	3572010534	35CKT2	Phan Th H ng ấ ầ	06/01/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
5	3572010630	35CKT2	Ho ầ ng Th ầ i	12/02/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
6	3572011024	35CKT2	Nguy n Th Tr ầ	Giang	10/07/1992			0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
7	3572010496	35CKT2	Ph m Ph ng	Hào	02/11/1993			0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
8	3572011264	35CKT2	Nguy n ầ nh	H o	14/02/1993			4.0	6.0		5.0	1.5	5.5	3.9	5.4	
9	3572010331	35CKT2	D ng Th Thu	H ng	02/03/1993			10.0	9.0		9.5	2.9	8.8	6.2	9.0	
10	3572010260	35CKT2	Ng ầ Th	H ng	03/03/1993			7.0	7.0		7.0	2.1	5.8	4.1	6.2	
11	3572010366	35CKT2	Nguy n Thanh	H ng	15/06/1993			6.0	7.0		6.5	2.0	9.5	6.7	8.6	
12	3572011271	35CKT2	Nguy n Th Ng c	H ng	28/03/1992			9.0	8.0		8.5	2.6	5.8	4.1	6.6	
13	3572011182	35CKT2	Tr n Th	H ng	06/11/1993			7.0	5.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	N HP
14	3572010335	35CKT2	Ph m Th Qu nh	Hiên	01/11/1993			5.0	5.0		5.0	1.5	6.3	4.4	5.9	
15	3572011640	35CKT2	Phan Th	Hi n	22/05/1993			5.0	7.0		6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
16	3572010638	35CKT2	VH ầ	Hi n	03/10/1993			6.0	5.0		5.5	1.7	7.0	4.9	6.6	
17	3472010035	34CKT1	L ầ Th	Hoa	28/03/1990			7.0	4.0		5.5	1.7	6.3	4.4	6.1	
18	3572010353	35CKT2	Ph m Th	Hoài	08/12/1993			10.0	10.0		10.0	3.0	9.3	6.5	9.5	
19	3572011226	35CKT2	L ầ Th	Hòa	01/03/1993			5.0	10.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT2 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167321302 - T ầ ch ầnh doanh nghi p H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H V ầ T c N	NG ầY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3572010258	35CKT2	L ² Th H ng	12/05/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	7.3	5.1	7.7	
21	3572011452	35CKT2	Vồ Tầng H p	30/04/1993				6.0	9.0		7.5	2.3	7.3	5.1	7.4	
22	3572010806	35CKT2	Ph m Th Hu	10/02/1993				5.0	5.0		5.0	1.5	8.5	6.0	7.5	
23	3572010930	35CKT2	Nguy n Thanh Huy	30/09/1993				4.0	3.0		3.5	1.1	5.3	3.7	4.8	
24	3477010046	34CTN1	Ph m Th Ng c Huy n	04/07/1992				10.0	8.0		9.0	2.7	7.8	5.5	8.2	N HP
25	3572010472	35CKT2	Nguy n T n H ng	28/12/1993				2.0	2.0		2.0	0.6	7.3	5.1	5.7	
26	3572011310	35CKT2	L i Th Kim H ng	17/03/1993				6.0	9.0		7.5	2.3	8.8	6.2	8.4	
27	3572010372	35CKT2	L ² Th Di m H ng	29/09/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	9.0	6.3	8.9	
28	3572011485	35CKT2	Nguy n Th Xu ầ n H ng	10/08/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	8.3	5.8	7.8	
29	3572010439	35CKT2	Nguy n Trung Kiên	25/06/1993				3.0	3.0		3.0	0.9	7.0	4.9	5.8	
30	3572011731	35CKT2	Tr n Th M ng Kha	29/09/1993				9.0	7.0		8.0	2.4	5.8	4.1	6.5	
31	3572010285	35CKT2	Nguy n Th Ng c Khá nh	24/07/1993				4.0	5.0		4.5	1.4	5.8	4.1	5.4	
32	3477010052	34CTN2	D ng Tu n Khôi	19/06/1991				5.0	6.0		5.5	1.7	5.0	3.5	5.2	
33	3572010384	35CKT2	ấ ng Th V Lam	22/04/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
34	3572011364	35CKT2	V ½ Th B ầ ch L	10/11/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	7.5	5.3	7.2	
35	3572010320	35CKT2	Phan Th Kim Liên	14/09/1993				4.0	8.0		6.0	1.8	8.3	5.8	7.6	
36	3572011532	35CKT2	Thái Kim Liên	13/11/1991				6.0	6.0		6.0	1.8	6.3	4.4	6.2	
37	3572010434	35CKT2	Nguy n Th Liê u	15/10/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	7.5	5.3	6.8	
38	3572011619	35CKT2	Ph m Th Nh t Linh	14/09/1992				7.0	7.0		7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167321302 - T ấ ch ấ nh doanh nghi p H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3572011563	35CKT2	Ti ấ u Th Y n	Loan	08/04/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	8.8	6.2	7.8	
40	3572010168	35CKT2	L ấ m H u	L c	25/01/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
41	3572010457	35CKT2	Ph ấ ng Th Mai	Ly	07/05/1993				10.0	4.0		7.0	2.1	8.3	5.8	7.9	
42	3477010068	34CTN3	Tr n Quang	Minh	28/08/1992				0.0	4.0		2.0	0.6	5.5	3.9	4.5	
43	3572010169	35CKT2	ấ o ấ Di m	My	04/03/1992				7.0	8.0		7.5	2.3	9.5	6.7	8.9	
44	3572010448	35CKT2	Th ấ n Th Mi	N	10/02/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	
45	3472010079	34CKT1	B ấ i Th Ng c	N	20/03/1992				6.0	10.0		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
46	3572010306	35CKT2	Huu nh Th H ng	Nga	13/10/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	9.5	6.7	8.5	
47	3572010337	35CKT2	T Th H ng	Ng c	28/03/1992				9.0	10.0		9.5	2.9	9.0	6.3	9.2	
48	3572011565	35CKT2	L ấ Th	Nguy t	24/12/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	9.0	6.3	8.9	
49	3572010665	35CKT2	Mai Th ấ nh	Nguy t	24/05/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	9.5	6.7	9.7	
50	3572010420	35CKT2	Tr n Th Ng c	Nhi	05/08/1993				5.0	1.0		3.0	0.9	5.8	4.1	5.0	
51	3572010363	35CKT2	Nguy n Th Tuy t	Nhung	22/01/1993				10.0	9.0		9.5	2.9	10.0	7.0	9.9	
52	3572010290	35CKT2	Tr n Ho ấ ng	Phúc	22/11/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	8.3	5.8	7.8	
53	3572010355	35CKT2	T Th	Quuu nh	06/03/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	8.3	5.8	8.1	
54	3572010550	35CKT2	Nguy n Ng c	Sang	24/10/1993				8.0	5.0		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
55	3572011513	35CKT2	Huu nh Quang	Tu n	29/04/1993				6.0	5.0		5.5	1.7	6.8	4.8	6.4	
56	3572011726	35CKT2	Nguy n Nh t	Tu n	16/06/1992				4.0	0.0		2.0	0.6	7.3	5.1	5.7	
57	3572010315	35CKT2	L ấ Th Thanh	Tuy n	25/07/1992				6.0	0.0		3.0	0.9	8.3	5.8	6.7	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT2 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167321302 - T ấ ch ấ nh doanh nghi p H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3572010601	35CKT2	Nguy n Th H ng Tuy t	04/08/1993				10.0	8.0		9.0	2.7	9.8	6.9	9.6	
59	3572011282	35CKT2	Tr n Th Tuy t	05/11/1983				9.0	8.0		8.5	2.6	8.8	6.2	8.7	
60	3572011443	35CKT2	H ấ C m Tú	18/04/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
61	3477010167	34CTN1	Nguy n Ng c T ng	09/07/1992				6.0	5.0		5.5	1.7	7.3	5.1	6.8	
62	3572011778	35CKT2	Nguy n Ng c Thanh	14/09/1993							0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
63	3572011634	35CKT2	Nguy n Th H ng Thanh	26/08/1993				0.0	6.0		3.0	0.9	6.8	4.8	5.7	
64	3572010481	35CKT2	D ng Th Thu Th o	11/09/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	6.3	4.4	6.1	
65	3572010407	35CKT2	Nguy n Th Th o	17/09/1993				4.0	6.0		5.0	1.5	6.5	4.6	6.1	
66	3572010653	35CKT2	Nguy n Th Th o	26/04/1993				5.0	7.0		6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	
67	3572010166	35CKT2	Ph m Th Th o	08/11/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
68	3572011412	35CKT2	L 2 Th H ng Th m	15/10/1993				1.0	6.0		3.5	1.1	9.3	6.5	7.6	
69	3572010288	35CKT2	L 2 Th Th m	10/03/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	9.8	6.9	9.4	
70	3477010126	34CTN1	L 2 T ấ Ph c Th	06/06/1992				10.0	7.0		8.5	2.6	8.5	6.0	8.5	
71	3572010929	35CKT2	Nguy n Th Thu	09/01/1993				3.0	6.0		4.5	1.4	6.8	4.8	6.1	N HP
72	3572011500	35CKT2	V ấ Th L Thu	28/09/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	8.5	6.0	8.1	
73	3572010375	35CKT2	ấ ấ Ng» Thanh Thuý	10/03/1993				10.0	9.0		9.5	2.9	9.8	6.9	9.7	
74	3572011505	35CKT2	Tr nh Th Thuý	17/10/1993				10.0	10.0		10.0	3.0	9.3	6.5	9.5	
75	3572011655	35CKT2	Nguy n Th Th ng	19/10/1993				7.0	10.0		8.5	2.6	7.5	5.3	7.8	
76	3572011150	35CKT2	Tr n Minh Th c	10/12/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167321302 - T ầ ch ấnh doanh nghi p H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ầ T ầ N		NG ẦY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3572010635	35CKT2	Mai Thi ầ	Trang	07/05/1993				9.0	9.0		9.0	2.7	7.0	4.9	7.6	
78	3572011445	35CKT2	Nguy n Th Th ầ y	Trang	01/07/1993				8.0	4.0		6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	
79	3572010397	35CKT2	Tr n Th	Trang	20/12/1993				5.0	3.0		4.0	1.2	8.3	5.8	7.0	N HP
80	3472010114	34CKT1	H Th	Trinh	28/12/1992				4.0	10.0		7.0	2.1	9.3	6.5	8.6	
81	3572011535	35CKT2	L ² Th	X ng	03/06/1993				5.0	4.0		4.5	1.4	6.8	4.8	6.1	
82	3572011257	35CKT2	Nguy n Th	Y n	06/06/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	5.8	4.1	6.3	
83	3572010091	35CKT2	Phan Th H ng	Y n	09/03/1993				10.0	6.0		8.0	2.4	9.5	6.7	9.1	

T ng s : 83 h c sinh sinh vi ² n

Tp.HCM, ng ầ / /

Tr ng Khoa

Gi ầ o Vi ² n B M ầ n

Gi ầ o V Khoa